

HUYỀN TÁN

KINH PHÁP MẦU LIÊN HOA

QUYỂN 4

PHẦN CUỐI

- Kinh: “Tất cả chư Thế Tôn cho đến chỉ một không hai thừa...”.
- Tán: Phần thứ năm, bảy mươi hàng rưỡi tụng nghĩa thứ năm y pháp của văn xuôi trên. Đây chia ra ba phần nhỏ:
 - Một hàng rưỡi tụng về pháp của Chư Phật mười phương.
 - Ba mươi tám hàng rưỡi tụng pháp của Chư Phật ba đời.
 - Ba mươi hàng rưỡi tụng “chúng ta cũng như thế”.
 Đã nói chỉ một thừa không có hai thừa, vì sao nói phá ba để về một.
- Kinh: “Quá khứ vô số kiếp cho đến Số nhiều không thể lường”
- Tán: Trở xuống ba mươi tám hàng rưỡi là tụng pháp của Chư Phật ba đời.

Trong đây chia làm ba: Hai mươi bảy hàng rưỡi đầu tụng về quá khứ, sáu hàng rưỡi kế tụng về vị lai, bốn hàng rưỡi cuối tụng về hiện tại.

Hai mươi bảy hàng rưỡi lại chia hai: Bốn hàng rưỡi tụng về Phật nói pháp đầu quyền sau thật. Hai mươi ba hàng sau tụng chúng sanh nghe pháp đều rất ráo đặc Nhất thiết chủng trí.

Bốn hàng rưỡi đầu nói có bốn ý:

 - Phật nhiều.
 - Khai quyền.
 - Hiện thật.
 - Giải thích ý khai quyền hiện thật ở đây là ý đầu.
- Kinh: “Như thế các Thế Tôn cho đến giảng nói các pháp tướng”.
- Tán: Đầu tiên là khai quyền.

- Kinh: “Các Đức Thế Tôn ấy cho đến Khiến nhập vào Phật đạo”.

- Tán: Hiển bày về thật.

- Kinh: “Lại các đại Thánh chủ cho đến giúp hiển đệ nhất nghĩa.”

- Tán: Giải thích nghĩa bỏ quyền bày thật. Biết chúng sanh chưa thể tu học ngay Nhất thừa giáo biết căn, dục nên đầu tiên dùng quyền phương tiện để giúp hiển bày Nhất thừa, sau khiến cho nhập vào thật. Lại căn tánh Bồ-tát có hai: Một là tánh bất định; hai là định tánh. Tánh bất định thì trước quyền sau thật, mở rộng pháp Nhất thừa. Hai hàng tụng trước và định tánh nói về đốn giáo Nhất thừa. Hàng tụng này nghĩa là biết tâm chúng sanh tâm tánh đốn ngộ dùng phương tiện khác mà không từ quyền đến thật để giúp hiển Nhất thừa. Nhất thừa đó là Bạc nhất nghĩa chân như, ban đầu Ba thừa sau nói một Phật thừa là phương tiện quyền thật, đốn nói Nhất thừa nên gọi là phương tiện khác.

- Kinh: “Nếu có các chúng sanh cho đến đều đã thành Phật đạo”.

- Tán: Trở xuống hai mươi ba hàng tụng về chúng sanh nghe pháp rốt ráo đều đắc Nhất thiết chủng trí: có ba: Hai hàng tụng đầu là Phật ở đời; hai mươi hàng kế là tụng sau khi Phật diệt độ; một hàng cuối là kết.

- Phàm gặp Phật nghe pháp, tu sáu độ bốn nhiếp, vô lượng v.v... gọi là các thứ phước đức. Tu nhân Phật hành Bồ-tát hạnh, nên đều đã thành đạo.

- Kinh: “Các Phật diệt độ rồi... đều đã thành Phật đạo.”

- Tán: Hai mươi hàng tụng, sau khi Phật diệt độ. Đây chia làm năm: Một hàng tụng từ tâm; bốn hàng rưới tụng xây tháp; sáu hàng rưới tụng về xây tượng; bảy hàng tụng cúng dường; một hàng tụng khen Phật. Có thiện mà cương cường chẳng phải Bồ-tát. Tâm mềm mỏng chẳng phải thiện cũng chẳng phải là Bồ-tát, cần thiện mà nhu nhuyễn mới là tâm Bồ-tát. Thuận với lý, làm lợi ích chúng sanh rất mềm mỏng nên đã thành Phật đạo, gieo trồng nhân Phật. Văn sau lại y cứ vào Phật diệt độ, sau hành các hạnh khó nên là biệt hạnh, chẳng phải Phật tại thế làm các hành này, cũng chẳng phải nhân Phật ở đời mà dễ tu. Y theo sáu độ trên thì hành sau khi Phật diệt độ là hành chung, nên cũng thành Phật đạo.

- Kinh: “Các Phật diệt độ rồi cho đến Trang nghiêm các tháp.”

- Tán: Bốn hàng rưới tụng xây tháp mà thành Phật. Đây chia làm hai: Bốn hàng đầu tụng xây tháp, nửa hàng sau tụng kết.

Bài đầu chia làm ba: Hai hàng đầu tụng xây tháp, số nhiều là chỉ tám trăm nghiêm chỉnh: Một hàng tụng lấy chín vật làm tháp. Một hàng tụng sau cho đến chơi giỡn là lấy vật kém làm tháp.

Trong luận Phật Địa nói bảy báu không có mai khô, nhưng lưu ly khác với các thứ châu báu. Châu là xích chân châu. Nay nếu dùng lưu ly làm chân châu tức là bảy báu. Nếu không thì thành ra tám báu. Lưu ly và chân châu có khác, pha lê phần nhiều là màu trắng hồng, xa cừ thì xanh trắng. Mã não có nhiều màu, hoặc thuần trắng hoặc thuần xanh vàng, hoặc nhiều màu ở giữa. Mai khô thì màu đỏ. Trong nói vẫn nói lửa cũng đồng với châu. Đá đẹp gọi là mai, tròn thì gọi là khô. Các thứ khác cũng có thể biết. Trong kinh Tăng Nhất A-hàm Phật bảo Tỳ-kheo. Nay ta sẽ nói bốn thứ phước được sanh lên cõi trời phạm:

1. Nếu có người thiện nam tín tâm chưa từng xây tháp mà có thể xây tháp.

2. Tu sửa chùa.

3. Hòa hợp Thánh chúng.

4. Khi Phật mới thành đạo, các trời, người thỉnh xoay bánh xe pháp. Đó gọi là bốn thứ phước được sanh lên cõi trời phạm.

Tỳ-kheo bạch Phật:

Phước Phạm lượng bao nhiêu? Phật bảo: Gom hết phước đức vốn có của bốn thiên hạ và sáu tầng trời Lục dục, cũng không bằng phước của một Phạm Vương. Cho nên khuyên xây tháp để đắc được Bồ-đề.

- Kinh: “Hoặc có xây miếu đá cho đến gạch ngói đến bùn đất.”

- Tán: Đây là hàng tụng dùng chín vật làm tháp. Miếu đá là nhà thờ Phật làm bằng đá. Xưa gọi là Chi-đề. Nay gọi là Chế-đa, Hán dịch là Linh miếu, lẽ ra gọi là Miếu tức Miếu mạo. Trong Bạch Hổ Thông Ngọc Thiên chép: Tôn mạo của các vị Tiên Tổ ở tại đó nên gọi là Miếu. Gỗ cây mật là loại cây rừng có hương. Trong Thiết Vận gọi là ốt. Ngọc Thiên gọi là Mật giống như cây hờ, hương thơm rất mạnh, chặt để năm năm mới dùng. Nếu nghiền thành hương thì thật lâu mùi thơm mới bay ra.

- Kinh: “Nếu ở chỗ hoang vắng cho đến Đều đã thành Phật đạo.”

- Tán: Bốn câu đầu tụng lấy vật xấu làm tháp, hai câu sau kết luận.

Luận chép: Gom cát làm tháp Phật cũng thành Phật đạo. Nghĩa là người phát tâm Bồ-đề thực hành Bồ-tát hạnh, làm những vật bằng gốc lành thì có thể chứng Bồ-đề. Chẳng phải như phàm phu và Thanh văn

chúng tánh chắc chắn là sở đắc của người chưa phát tâm Bồ-đề. Như thế từ văn trên cho đến cuối nói vậy tay, cúi đầu... cũng đều như vậy.

- Kinh: “Nếu như người vì Phật cho đến Đều đã thành Phật đạo.”

- Tán: Sáu hàng rươi tụng về tạo tượng Phật. Trong đây chia hai: Năm hàng tụng nói tạo tượng một hàng rươi tụng là kết.

Năm hàng đầu chia làm bốn: Một hàng tụng về điêu khắc tượng, hai hàng tụng về dùng mười vật trang sức, một hàng tụng về vẽ tượng Phật, một hàng tụng về vui vẻ làm.

Nói làm tượng Phật chẳng phải làm tượng khác, nên nói vì Phật. Vì cầu thành Phật, vì tâm kính Phật, nên gọi là vì Phật. Lại nói vì Phật mà tạo ra các bức tượng, vì muốn trang nghiêm Phật nên gọi là vì Phật. Như kinh Công Đức Tạo Tượng nói có mười một thứ quả:

1) Đời đời sanh ra mắt trong sáng, gương mặt khôi ngô, xinh đẹp.

2) Sanh ở chỗ không có điều ác.

3) Thường sanh vào nhà giàu sang.

4) Thân sáng đẹp như kim sắc.

5) Thường được đồ châu báu quý giá.

6) Sanh vào nhà hiền thiện.

7) Đời sau làm vua hoặc trong dòng tôn quý nhất của vua.

8) Làm Kim luân hóa vương.

9) Làm Phạm thiên tuổi thọ một kiếp.

10) Không theo đường ác.

11) Trong đời sau, lại tôn trọng Tam bảo.

Thích cầm đồ vật mẫu nhiệm, lại tạo ra công đức.

- Kinh: Hoặc do bảy báu thành cho đến Đều đã thành Phật đạo.

- Tán: Đây là hai hàng tụng về dùng mười vật trang sức để tạo tượng.

- Kinh: “Họa vẽ tạo Phật tướng... Đều đã thành Phật đạo.”

- Tán: Đây là hàng tụng về họa Phật.

- Kinh: “Những hạng người như thế cho đến Độ thoát vô lượng chúng.”

- Tán: Đây là phần kết.

Người có đầy đủ tâm đại bi, hễ khi làm việc thiện thì có tâm từ bi mới thành tựu đến bờ kia, nên nói thành Phật.

- Kinh: “Như người nơi tháp miếu cho đến Kính tâm mà cúng dường.”

- Tán: Có bảy hàng tụng nói pháp cúng dường, phần này có hai:

1. Năm hàng rưỡi tụng về cúng dường.

2. Một hàng rưỡi tụng về kết.

Trong phần một có năm:

- Một hàng tụng về bốn vật cúng dường.

Một hàng rưỡi tụng về âm nhạc cúng dường.

Một hàng tụng về ca nhạc cúng dường.

Một hàng tụng về hoa cúng dường.

Một hàng tụng thân nghiệp hành kính cúng dường, đây là phần đầu.

Kinh Phát Tâm Bồ-đề chép: Nếu dâng hoa cúng dường thì được hoa bảy giác. Dâng hương cúng dường thì được hương năm phần pháp thân. Dâng phướn cúng dường thì đắc Đà-la-ni, chuyển được điều ác. Dâng long báu cúng dường thì được bốn vô lượng che chở chúng sanh.

Kinh Nghiệp Báo Sai Biệt nói mỗi thứ được mười đức.

- Kinh: “Hoặc sai người thổi nhạc cho đến đều mang ra cúng dường.”

- Tán: Đây là dùng âm nhạc để cúng dường. Trong Thuyết văn chung là năm thanh tám âm. Trong lễ ký nói Vi Thích Vũ Mao gọi là nhạc. Trịnh Huyền nói Bát âm khắc giai gọi là nhạc, là cổ động, là tiếng kêu, hễ xuất âm thì gọi là cổ, nay dùng cây bọc da vang tiếng tức là tiếng kêu. Giác là khúc hình giống như sừng. Cự là loa.

Trong kinh Niết bàn chép: Thổi loa biết thời là loại ống sáo. Ngọc thiên thì dùng ống sáo thổi, lại gọi là tiêu. Địch gồm có bảy lỗ, quen gọi là trực. Kính như cái linh mà lớn hơn. Trong ngọc thiên gọi là Tiểu chính.

Trong quân pháp mười trường thì cầm nạo năm người là một ngũ.

Năm ngũ là hai mươi lăm người là lưỡng (hai), Lưỡng Tư Mã thì cầm đạ.

Trong kinh Phát Bồ-đề Tâm nói:

- Âm nhạc, nữ sắc không đem cúng dường vì làm loạn chúng sanh, nay đem cúng dường Phật thì không trái. Như trong Kim tạng có âm nhạc cúng dường.

- Kinh: “Hoặc dùng tâm vui mừng cho đến Đều đã thành Phật đạo.”

- Tán: Đây dùng ca xướng để cúng dường nên đắc phạm âm thanh Đại sĩ. Tiếng Phạn gọi là Bà trác, Hán dịch là khen ngợi. Trần tư lên núi Ngự nghe Nham Tụ tụng kinh, âm thanh vang xa ra ngoài hang động.

Ông bèn nghĩ: Âm thanh này nên chế ra phạm bối.

Cho nên nay quen gọi là Ngũ phạm, ngâm hợp với ba khế bảy thanh ở Tây Vực, âm thanh lại vang rất xa.

- Kinh: Nếu người tâm tán loạn cho đến dần thấy vô số Phật.

- Tán: Đây dùng hoa để cúng dường. Vì sao lại khác với cúng hoa ở bốn việc trước? Vì chuyên thiện tâm, đây dùng tán tâm, cho nên không trái, lược nói là cúng dường vẽ tượng, cúng dường tượng khác cũng được.

- Kinh: “Hoặc có người lễ bái cho đến Hoặc chỉ hơi cúi đầu...”

- Tán: Đây là nói thực hành thân nghiệp cúng dường. Trên dùng ca xướng là ngữ nghiệp có thể phát tâm tức là ý nghiệp. Ngoài ra đều là cúng dường ngoại tài thực, hành ba nghiệp cúng dường.

- Kinh: “Lấy đây cúng dường tượng cho đến như củi hết lửa tắt.”

- Tán: Kết thực thành tựu việc cúng dường.

- Kinh: “Nếu người tâm tán loạn cho đến. Đều đã thành Phật đạo.”

- Tán: Ở đây khen Phật thành Phật tạm nêu ra một lần khen ngợi, còn được thành Phật huống chi là nhiều lần xưng, như kinh Dược Vương Dược Thượng chép:

- Ta thường khen ngợi năm mươi ba danh hiệu Phật, nay được thành Phật tức là việc này.

- Kinh: “Đối các Phật quá khứ cho đến Đều đã thành Phật đạo.”

- Tán: Tụng nói: Chúng sanh nghe pháp đắc chủng trí, đây phần kết thành Phật đạo thứ ba.

- Kinh: “Các Thế Tôn vị lai cho đến cũng phương tiện nói pháp.”

- Tán: Sáu hàng tụng rưới tụng về pháp vị lai, chia ra làm hai:

a. Ba hàng tụng đầu nêu ra đồng với nay nói.

b. Ba hàng tụng sau giải thích lại nghĩa trước.

Trong phần đầu có ba ý:

- Một hàng tụng đồng là phương tiện trước.

- Một hàng rưới nêu sau thành tựu nói pháp thật.

- Một hàng giải thích lý do trước.

- Kinh: “Tất cả chư Như lai... chẳng ai không thành Phật.”

- Tán: Đây tụng, nêu sau thành nói pháp thật. Nay người nghe pháp đều được thành Phật. Phật và chúng sanh hợp lại nói.

- Kinh: “Các Phật vốn thệ nguyện cho đến Cũng đồng đắc đạo này.”

- Tán: Giải thích lý do trước là do bốn nguyện.

- Kinh: “Các Thế Tôn vị lai cho đến thật vì Nhất thừa.

- Tán: Ba hàng tụng sau giải thích lại nghĩa trước. Có hai: Một hàng tụng nói phương tiện đều là Nhất thừa; hai hàng tụng sau nói: Ngộ ba tánh các pháp hướng về cho nên như thế.

- Kinh: Các Phật lưỡng túc tôn cho đến Đạo sư phương tiện nói.”

- Tán: Ngộ được ba tánh, các pháp đều quy hướng về. Cho nên đầu tiên nói quyền, sau mới nói Nhất thừa. Diệu lý chân như thể tánh vốn thường trụ. Phật có thể chứng biết. Biến kế sở chấp sanh ra ngã pháp, thể tánh vốn là không. Phật chứng lý vô ngã, cho nên cũng biết đây chẳng phải là phạm chấp lưỡng đối, hạt giống Phật do duyên mà khởi lên, hạt giống báo Phật y tha vô lậu do duyên mà sanh ra. Từ duyên mà khởi ra nhân tu tập. Do chứng chân lý mà dứt tâm năng chấp nhiễm phần y tha, biết sở chấp là không. Từ nhân duyên y tha của phần tịnh mà tu hạt giống Phật đó là Nhất thừa. Vì sao Nhất thừa lại hiển rõ thường pháp tức là viên thành thật? Vì pháp trụ vị pháp đó là chân như trụ trong các pháp. Thể tánh thường có gọi là pháp trụ, pháp thì có nhiễm tịnh, là nhiễm được tịnh, phân vị rõ ràng gọi là vị pháp. Tướng là bốn thể thể tánh thế gian. Tức là thật tánh thường trụ chân như, là thể của Nhất thừa. Ngồi trong tòa đạo tràng Kim cương, biết tánh bản thể của các pháp rồi, ở trong pháp không có danh tướng đó, đấng Đạo sư phương tiện dùng danh tướng nói trong tất cả pháp lược có hai thứ: Một là không hai là hữu. Không thì chẳng có khác nhau lập chung một tánh gọi là Biến kế sở chấp. Hữu pháp có sai khác chia ra hai: Thường và vô thường.

Thường gọi là tánh viên thành thật. Vô thường là tánh y tha khởi.

Tánh y tha khởi lại chia ra làm hai: Hữu lậu và Vô lậu.

Hữu lậu làm tánh y tha khởi. Vô lậu làm tánh viên thành thật. Nay dựa vào trước nói vô thường là y tha. Y tha hữu lậu cần phải trừ đoạn. Trong đó chỉ giữ tịnh phần y tha vô lậu vô thường, rốt ráo mãn vị mà thành tựu Bồ-đề. Cho nên nói Hạt giống Phật từ duyên mà khởi lên. Ý hiển bày năng chứng lý vô ngã thường trụ pháp tánh chân như, bèn có rõ biết hai ngã là không. Nương theo bạn lành mà tu tập trí tuệ. Từ pháp duyên khởi mà Bồ-đề giác tròn đầy, vì chứng diệu lý chân như Nhất thừa. Diệu lý tức là pháp trụ vị pháp, tướng thế gian thường trụ.

Kinh Đại Bát Niết-bàn chép: “Phật ở trong đạo tràng đã chứng biết rồi, nay vì chúng sanh dùng phương tiện nói khiến cho ưa thích tu chứng. Nay y tha này tức là Bồ-đề. Viên thành tức là Niết-bàn, hợp thành nhất thừa. Viên thành cao quý nên gọi là Nhất thừa. Do dứt hữu

lậu tánh y tha khởi dứt trừ Biến kế sở chấp mà chứng hai quả này. Bởi rõ được y tha tánh sở chấp cho nên đầu tiên Phật nói A-hàm, kế đến nói Bát-nhã. Thuần là giáo hữu, không gọi là phương tiện. Nay cả ba đều nói nên gọi là chân thật. Nghĩa của ba tánh như trong chương khác có nói:

- Kinh: “Trời, người người cúng dường cho đến Cũng nói pháp như thế.”

- Tán: Trở xuống bốn hàng tụng rười, là tụng về hiện tại, lại chia làm ba: Một hàng rười là nêu; một hàng bỏ quyền bày thật; hai hàng nói về ý, đây là phần đầu.

- Kinh: “Biết vắng lặng bậc nhất cho đến Thật sự vì Nhất thừa”.

- Tán: Đầu tiên này bỏ quyền, sau lại nói thật.

- Kinh: “Biết các hạnh chúng sanh cho đến Tùy ứng nói phương tiện”.

- Tán: Đây ý nêu đầu tiên dùng quyền sau nói thật.

- Các hạnh chúng sanh là câu hành tướng chung của tâm. Phần dưới là câu nói chi tiết hoặc là thắng giải, tâm sở niệm đó là Biến thứ hành. Nghiệp lực là tự nghiệp. Dục lực nghĩa là thắng giải. Tánh lực là các thứ giới. Tinh tấn lực là xứ phi xứ v.v... Hoặc tinh tấn cho đến. thể tức là tánh lực. Vì thể chủng tánh tức là ngũ căn, chữ lực ở dưới quán thông ở trên. Căn lợi độn đó là căn hơn, kém đó. Phật có trí lực này nên có thể biết, cho nên đầu tiên nói quyền, sau trở lại nói thật. Phật trong đời vị lai do ngộ ba tánh. Hiện tại nay Phật biết được tâm chúng sanh. Cả hai bày rõ lẫn nhau nên đầu tiên lập bày phương tiện, sau mới nói chân thật.

- Kinh: “Nay ta cũng như thế cho đến Điều khiến được vui mừng.”

- Tán: Ba mươi hàng rười tụng nói ta cũng như thế là đồng với trước đức Thích-ca. Chia làm hai: Hai hàng tụng đầu là nêu ra, hai mươi tám hàng rười tụng rộng giải thích.

Đầu tiên là tụng nay thật, sau là tụng quyền trước kia, đều khiến vui mừng dần nhập vào đạo.

- Kinh: “Xá-lợi-phất nên biết cho đến nghèo cùng không phước đức...”

- Tán: Đây là phần rộng giải thích, chia làm hai: Hai mươi mốt hàng rười tụng đầu tiên dùng ba thừa phương tiện dẫn dụ, tức trong văn xuôi nói: Biết tất cả chúng sanh có các thứ tâm ưa muốn chấp trước sâu xa, tùy theo bốn tánh chúng sanh mà dùng các thứ năng lực phương tiện

nhân duyên thí dụ ngôn từ mà vì nói pháp. Phần sau có bảy hàng tụng nói nay chân thật. Tức trong văn xuôi nói: Như thế nói đều vì đặc Nhất thiết chủng trí Nhất Phật thừa. Tức là tụng nghĩa đầu quyền sau thật. Hai mươi mốt hàng rưỡi đầu làm bốn phần: Ba hàng rưỡi đầu thấy các nguy nan ở nơi chúng sanh. Ba hàng kế tụng về suy nghĩ cứu không thể được, mười một hàng rưỡi tụng thỉnh cầu Phật lập bày phương tiện, ba hàng rưỡi tụng chánh nói Ba thừa giáo hóa. Trong phần đầu có hai:

Một hàng tụng không có thiện. Hai hàng rưỡi tụng có ác.

Kinh Bát nhã nói Phật có năm:

1. Mất thịt: Chẳng phải do tu định sanh ra mà do bốn đại tạo. Hoặc trường, dưỡng hoặc là dị thực, tịnh sắc làm tánh.

2. Mất trời: Đoạn ở chương định do tu tập khởi lên, chỉ là trường dưỡng. Do tứ đại tạo ra, lấy tịnh sắc làm tánh.

3. Mất pháp: Quán sự có tuệ.

4. Mất tuệ: Quán lý tuệ không.

5. Mất Phật: do chứa nhóm mà quả viên thành.

Lấy bốn cái trước làm thể, ngài Long Thọ giải thích: Như bốn dòng sông lớn lưu chảy đến thiên trì gọi chung là Đại hải. Như thế bốn thứ mất lưu đến Quả Phật thông gọi là Mất Phật, hai nhãn đầu thể sắc, hai nhãn tiếp thể trí. Một nhãn sau cùng thông cả hai. Lại nói người có mất thịt, trời có mất trời, Nhị thừa có mất tuệ, Bồ-tát có mất pháp Phật có Mất Phật. Do đây mà nói là năm. Du-già quyển mười bốn nói có ba nhãn:

1. Mất thịt: Năng chiếu sắc hiển bày không chương ngại.

2. Mất trời: Năng chiếu sắc ẩn hiện có chương và không chương.

3. Mất tuệ: Năng chiếu tất cả loại hoặc sắc phi sắc.

Mất pháp thuộc thể tuệ hợp với tuệ là một, không đồng với cảnh sắc nhãn có ẩn hiện. Cho nên lược qua không nói. Mất Phật tức là bốn thứ mất trước. Hoặc nói về nhân chẳng phải quả nên cũng không nói.

Kinh Hoa Nghiêm nói có mười thứ nhãn:

1) Mất thịt: Thấy tất cả sắc.

2) Mất trời: Thấy chư chúng sanh các căn khác nhau.

3) Mất tuệ: Thấy chư chúng sanh các căn khác nhau.

4) Mất pháp: Thấy Bạc nhất nghĩa của tất cả pháp.

5) Mất Phật: Thấy mười lực của Phật.

6) Mất trí: Phân biệt, biết rõ tất cả pháp.

7) Ánh sáng nhãn: Thấy ánh sáng của tất cả Phật.

8) Xuất sanh tử nhân: Mắt ra khỏi sanh tử thấy pháp Niết-bàn.

9) Vô ngại nhân: Thấy tất cả pháp không có chướng ngại.

10) Mắt trùm khắp: Thấy pháp môn bình đẳng trong pháp giới.

Trong mười nghĩa này nghĩa thứ nhất đây là nghĩa thứ nhất thấy các sắc của năm nhãn trước, thứ hai ở đây là nghĩa thứ hai ở trước, nghĩa thứ ba, thứ năm, thứ sáu, thứ bảy, thứ chín ở đây là mắt pháp ở trước, thứ tư thứ tám ở đây là mắt tuệ trước, thấy được chân đế. Hoặc thứ tư, thứ tám, thứ chín ở đây là mắt tuệ trước đều thấy lý. Thứ mười mắt trùm khắp là Mắt Phật trước, khắp thấy tánh bình đẳng trong pháp giới.

- Dùng Mắt Phật quán đó là trong năm thứ mắt dùng Mắt Phật quán Mắt Phật trong nghĩa mười thứ thì không thấy chúng sanh mà thấy mười lực. Sáu đường chúng sanh từ vô thủy không tu hai nhân phước tuệ, chưa đạt được bảy Thánh tài và bảy pháp tài trời, người. Nghĩa là thí giới, nhẫn, cần, định, tuệ, phương tiện nên nói không phước tuệ.

- Kinh: “Vào sanh tử hiểm nạn cho đến Vô minh không thể thấy”.

- Tán: Hai hàng rươi tụng về có ác. Đây có hai phần:

- Một hàng tụng rươi: Hiện khổ đấm chìm, phiền não thêm lớn.

- Một hàng tụng sau cầu xuất yếu mà hành tà hành. Thế gian loài trâu mao do tự yêu thích đuôi mình, giữ gìn đuôi. Người tham đuôi bèn giết nó. Chúng sanh cũng vậy, tham đắm năm dục giấu để thân mình, bèn do tham ái mà tự làm hủy hoại, rồi đọa vào đường ác. Có bốn nói: Tự che không phải nghĩa tự hoại. Như trâu mao mấn đuôi, che lấp tâm chúng dẫn đến bỏ mạng. Chúng sanh cũng vậy. Tham ái che đậy tâm. Có bốn nói là miêu (mèo) nhưng không biết xuất xứ từ đâu.

- Kinh: Không cầu đại thế Phật cho đến lấy khổ muốn bỏ khổ.

- Tán: Vì cầu xuất ly mà hành tà hạnh. Phật có uy thế thần thông và dùng trí tuệ dứt trừ hết khổ mà không cầu hưởng trái lại rơi vào lưới kiến chấp của ngoại đạo kiến, thân hành khổ hạnh để xả khổ sanh tử. Đây là chưa thể. Cho nên trải qua sáu năm khổ hạnh ngày ăn hạt mè còn không chứng được Bồ-đề. Ngồi nằm trên cỏ gai làm sao đắc đạo quả. Như chó đuổi theo cục đất, bị đất ném lại càng nhiều, đâu đồng như sư tử đuổi theo người.

- Kinh: “Vì tất cả chúng sanh cho đến Mà khởi tâm đại bi”.

- Tán: Ba hàng tụng suy nghĩ cứu không được. Lại chia làm ba: Nửa hàng suy nghĩ khởi nhân hành. Một hàng tụng đắc quả rồi suy nghĩ. Một hàng rươi suy nghĩ cứu không được. Thấy chúng sanh có hai duyên này bèn khởi tâm từ bi, phát tâm tu hành suy nghĩ sẽ cứu.

- Kinh: “Ta xưa ngồi đạo tràng... suy nghĩ việc như thế.
- Tán: Đắc quả rồi Phật lại nghĩ.

Phật thành đạo rồi kinh hành dưới gốc cây. Quán cây vui mừng đạo của mình viên thành. Kinh hành tư duy vì lợi ích chúng sanh. Lại quán cây mà tâm ngưng nơi diệu lý. Kinh hành suy tưởng hóa độ chúng sanh. Lại quán cây tưởng che chở tứ sanh. Kinh hành tư duy thí phước tuệ. Các kinh nói sau khi Phật thành đạo rồi nói pháp về thời gian mỗi mỗi không đồng. Đây nói hai mươi một ngày, luật Di-sa-tất Tam-muội nói bảy ngày, cũng đồng với kinh Mười Địa, bảy ngày không nói pháp là biểu hiện tự thọ pháp lạc, vì muốn chúng sanh tăng sự ái kính. Luật và Tát-bà đa truyện nói bốn mươi hai ngày Phật mới nói pháp. Các Phạm thiên đến thỉnh. Các vị Kiều-trần-như căn cơ mới thuận thực. Lại có nói nói: Sau hạ an cư Phật mới độ năm người. Kinh Mười nhị. Do nói sau thành đạo hai năm Phật mới độ năm người.

Luận Trí Độ chép: Nói năm hoặc mười tuần Phật không nói pháp đây đều là do các bộ nghi kiến không đồng, chưa thể hòa hợp.

Nhưng nay giải thích: Đại thừa lấy Pháp Hoa làm chánh. Đây nói thông hành pháp luân bốn đế cho nên nói là hai mươi một ngày. Nếu chỉ nói pháp luân Đại thừa thì luận Mười địa nói là đúng, vì ngày thứ mười bốn Phật nói Mười Địa.

- Kinh: Trí lực ta đã được... Làm sao mà độ được.
- Tán: Suy nghĩ cứu không được. Đây có bốn nguyên nhân:
- Pháp sâu xa khó hiểu.
- Căn độn khó cứu.
- Đắm trước lạc thú khó bỏ. Làm sao có thể độ.
- Si ám khó ngộ.
- Kinh: “Bây giờ các Phạm vương cho đến Thỉnh ta xoay bánh xe pháp”

- Tán: Mười một hàng tụng rưới: Thỉnh Phật suy nghĩ lại mà lập phương tiện. Đây có bốn:

- Hai hàng đầu tụng các vị trời thỉnh nói pháp.
- Ba hàng tụng: Thị hiện tướng tư duy.

- Bốn hàng rưới giáo hóa gặp duyên tốt: Hai hàng tụng sau suy nghĩ nên tùy theo mà quyền dẫn dụ. Phần đầu nói Trời Đại tự tại, cõi sắc thiên thỉnh. Nay đối với pháp Ba thừa vốn như thế, nên nói pháp đều đợi thỉnh.

Trí Độ luận chép: Bảy giờ trời Tịnh Cư Thiên khuyên Thái tử xuất gia. Tứ thiên vương dâng bát. Đế Thích dâng bảo tọa, Phạm vương thỉnh

xoay bánh xe pháp. Đầu tiên Phật không hứa, Phạm vương nói có ba căn nên lại càng cầu thỉnh ân cần. Phật mới ứng thuận, trước nói pháp Ba thừa. Thắng thiên vương trong Bát-nhã nói: Tứ thiên vương dâng Bát. Thiên Đế Thích cúng tòa. Phật liền thọ lấy. Các vị Thiên vương thấy Phật thọ thì đều phát thắng tâm. Nhưng văn kinh dưới nói: Đức Phật Đại Thông Trí Thắng chỉ có nói Phạm vương thỉnh. Đây nói thông cả chư thiên, nên tiêu biểu một vị trời tối thắng, không phải không có các vị trời khác vậy.

- Kinh: “Ta liền tự tư duy... Mau nhập vào Niết-bàn”.

- Tán: Ba hàng tụng chỉ về tướng tư duy: Hai hàng đầu tụng nói pháp Đại thừa thì chúng sanh có tổn hại. Một hàng sau nói cả Ba thừa, chúng sanh có lợi ích.

Vì các chúng sanh ở thế tục hiện đều trong cảnh khổ, người xuất tục lại càng tu khổ hạnh, không rảnh tin liền pháp Đại thừa. Nếu vì họ nói, trái lại sanh lòng chê bai, nghi hoặc phá hoại, thoát sanh bất tín mà đọa vào đường ác. Người thế tục lại đắm chìm trong cảnh khổ không tin sự xuất gia nên phá pháp không tin. Đã có sự tổn hại đó nên Phật thà không nói pháp mà mau nhập Niết-bàn! Đâu thể lại gây tổn hại cho chúng sanh! Đây đồng với Đại Trí độ luận chép suy nghĩ đầu của Phật

- Kinh: “Tìm nhớ quá khứ Phật cho đến Cũng nên nói Ba thừa.”

- Tán: Nên nói pháp Ba thừa, chúng sanh sẽ có ích lợi cũng đồng với Chư Phật ở quá khứ.

Đây cũng giống như trong Trí Độ luận, nói thỉnh lần thứ hai rồi Phật mới hứa.

- Kinh: Lúc Phật nghĩ như thế... Mà dùng phương tiện lực...”

- Tán: Có bốn hàng tụng rười. Hóa độ gặp duyên lành có ba phần: Một hàng rười Phật hiện tại tán dương. Nửa hàng kế khuyên đồng như Chư Phật. Hai hàng sau dẫn bản thân làm chứng đầu tiên nói quyền, sau nêu pháp thật.

Mười phương Phật hiện ra khen ngợi Phật Thích Ca, xưng là Thiện (tốt). Khen là bậc nhất sư đặc pháp vô thượng. Khuyên nên tùy theo Chư Phật mà nói pháp thức cần trước rồi sau mới nói pháp thật.

Thích-ca tánh là năng. Mâu-ni hiệu là Tịch. Nay văn này lược nói như lời dạy bảo. Pháp “như vậy” tùy hỷ đều gọi là Thiện tai!

- Kinh: “Chúng ta cũng đều đặc... Phân biệt nói ba thừa...”

- Tán: Hai hàng tụng rười dẫn bản thân làm chứng. Sau nói pháp thật, trước nói pháp thức cần. Chia ba phần: Một hàng tụng bản thân làm chứng; một hàng tụng giải thích lý do; nửa hàng tụng kết trở về pháp

chân thật. Đây dẫn việc đã qua, ngay thời đầu các Đức Phật đều nói pháp Ba thừa.

- Kinh: “Thiếu trí ưa pháp nhỏ... chỉ vì giáo Bồ-tát.”

- Tán: Đây giải thích lý do và kết trở pháp chân thật. Vì người bất định nên mới bắt đầu ở chúng phàm phu trí nhỏ vui pháp Tiểu thừa mà không cầu ý Đại thừa, không tin tự mình có thể làm Phật. Đầu tiên nói Ba thừa, tuy ban đầu nói quyền mà sau tất là chân thật. Đây chỉ giáo hóa chúng Bồ-tát.

- Kinh: “Xá-lợi-phất nên biết cho đến. Ta cũng thuận làm theo”.

- Tán: Hai hàng tụng: Nghĩ nên theo quyền mà dẫn dụ. Gồm có:

Một hàng tụng nghe các Phật, khen ngợi kính trọng.

Một hàng tụng suy nghĩ nên thuận theo hạnh của Chư Phật.

Có bốn gọi là “Xưng Nam mô Chư Phật” ứng vui mừng xưng làm chánh. Chánh gọi là Nạp-mộ. Cũng gọi là Nạp-mạc, Hán dịch là kính lễ. Hoặc nói là Bạt Đàm, hoặc gọi là Bạt Đề. Đây gọi là lễ bái. Cữ dịch Hòa Nam là sai.

- Kinh: “Lại nghĩ như thế này cho đến. Ta cũng thuận làm theo”.

- Tán: Đây là thuận theo hạnh của Chư Phật. Đã gặp duyên lành khuyên ta nên quyền hóa. Phật tư duy chúng sanh nơi kiếp trước, cũng nên thuận theo hạnh kia.

- Kinh: “Tư duy việc này rồi cho đến. Vì năm Tỳ-kheo nói...”

- Tán: Ba hàng tụng rưới chánh nói pháp Ba thừa. Nói về giáo hóa chia làm ba phần:

- Một hàng tụng rưới nói việc quyền hóa.

- Một hàng tụng Tam bảo hưng khởi

- Một hàng tụng hội thành tựa xưa và nay. Tiếng Phạn là Ba-la-ni-tư, Hán dịch Ba-la-nại là sai. Nước này nằm ở Trung Ấn Độ. Xưa nơi này có hai bầy nai, mỗi bầy hơn năm trăm con. Phật làm Nai đầu đàn của một bầy. Đề-bà-đạt-đa làm vua một bầy. Bấy giờ vua nước này đi ngao du sơn trạch Bồ-tát Nai đầu đàn trước đã xin với vua: Đại vương săn bắn ở cánh rừng này, dùng tên độc giết hết bầy nai này, đem thịt về để lâu hư thối sẽ không ăn được. Vậy để chúng tôi mỗi ngày đến nạp thịt cho vua một con. Vua có thịt mới dùng mà mạng bầy nai này khéo dài và sanh trưởng thêm ra.

Vua nghe nói phải, liền lui trở về cung. Hai bầy vui theo thứ lớp đi nạp thịt. Trong bầy của Đề-bà có con nai mẹ đang mang thai đến lúc phải chịu chết, nên đến thưa với Nai đầu đàn: Thân tôi chịu chết, nhưng đứa con trong bụng chưa đến lúc. Xin Đại vương cho thay thế để tôi

sanh nở xong sẽ đi.

Nai đầu đàn nổi giận: Ai không biết bảo trọng mạng sống mà chịu thay người? Lộc mẹ than: Vua ta bất nhân sẽ chết bất đắc kỳ tử?

- Rồi chạy nhanh đến thưa với Bồ-tát. Bồ-tát Nai đầu đàn nói: Thương thay từ mẫu, ta sẽ thay thế người.

Nai đầu đàn bèn đi đến cung vua. Người trên đường truyền nhau nói: Nai đầu đàn hôm nay đi vào thành. Nhân dân sĩ thứ cùng kéo ra xem. Vua nghe cũng nghĩ là không thật. Khi người giữ cửa vào thưa lại vua mới tin. Vua hỏi: Nai đầu đàn sau lại đến đây?

Nai đầu đàn thưa: Có nai mẹ đến lúc phải đi nạp thịt, nhưng thương đứa con còn mang trong bụng nên không nở đi. Nên tôi thế mạng đến đây.

Vua nghe than: Như ta là người mà không có lòng từ dưỡng như loài nai.

Rồi vua truyền lệnh tha cho bầy nai không đến nạp thịt nữa. Nhân dân mà gọi khu này là Lộc uyển (Lộc dã).

Thái tử Tát-pha-kiệt-tha-tát-đà sau khi vượt thành trở về liền vào rừng ẩn tu, quên thân cầu đạo. Vua Tịnh Phạn nói với ba vị tộc gia và hai người bên họ cậu: Con ta đã thành đạt tất cả mà bỏ nhà đi tu học, một mình ở chốn rừng sâu, núi hiểm. Nay các người nên đi theo hầu hạ Thái tử tiến thoái thế nào. Trong dòng họ là anh em cô cậu chú bác ngoài cũng là đạo quân thần đó thôi. Năm người bèn tuân lệnh vua theo Thái tử. Nhân đó mà cần cầu đạo xuất ly. Mỗi bên tự nói: Phàm người tu đạo thì khổ chứng hay lạc chứng?

Hai người kia nói: An lạc là đạo.

Ba người nói: Cần khổ là đạo.

Hai bên tranh luận vẫn không rõ ràng, lúc này Thái tử tư duy đến lý vì hàng phục khổ hạnh của ngoại đạo nên ngày ăn mè để duy trì thân. Hai người kia trông thấy nói với nhau:

- Sở hành của Thái tử chẳng phải là pháp chân thật để đạt đạo, phải cần có sự an lạc mới tu chứng được. Còn sự lao khổ này chẳng phải là pháp của ta. Nói rồi hai vị bỏ đi chỗ khác mà tư duy quả chứng quả. Thái tử trải qua sáu năm tu khổ hạnh mà chưa chứng quả Bồ-đề. Sau đó Ngài xả bỏ tu khổ hạnh, uống sữa thiên đình quán xét và chứng quả. Ba người còn lại nghe nói than: Công tu gần thành nay đã thoái tâm, sáu năm khổ hạnh trong một ngày liền mất. Thế rồi họ cũng bỏ đi. Bấy giờ Thái tử đến tắm rửa bên dòng sông Ni liên, rồi tọa thiền dưới cội Bồ-đề, thành Chánh đẳng giác hiệu là Trời, người Sư. Ngài ngồi

tịch mặc an nhiên chỉ quán xét việc độ sanh. Như lai nghĩ đến ông Uất-đầu-lam-phất trước kia đã chứng phi tướng định có thể thọ pháp ta. Chư thiên trong không trung cất tiếng bảo: Uất-đầu-lam-tử đã mạng chung cách nay bảy ngày rồi.

Như lai than thở vì sao lại không gặp, để nghe pháp mầu. Lại quán xét có A-lam-ca-lam đã đắc định vô sở hữu xứ có thể thọ lý pháp.

Chư Thiên lại nói: Vị này đã mạng chung trải qua năm ngày. Như lai lại than thở. Sau đó quán xem ai nên thọ giáo, chỉ thấy năm người ở vườn Lộc giả là có thể dẫn đạo. Thế là Phật rời khỏi cõi Bồ-đề đi đến vườn Lộc dã, uy nghi của Như lai thật là vắng lặng thân quang chiếu sáng rực rỡ, an nhiên tự tại đi đến trước năm vị kia, năm vị từ xa trông thấy Như lai, cùng nói với nhau: Thái tử kia Thánh quả đã không tu chứng, tâm lại trái ngược. Nay tìm đến đây vậy chúng ta nên im lặng chờ nên nghinh tiếp lễ lạy khi Phật đi đến gần thì thân lực uy nghi của Ngài làm kinh động muôn vật năm vị kia liền đứng dậy lễ bái chào hỏi hầu hạ như nghi thức. Như lai dần dần dẫn dụ mở bày diệu lý, tương truyền như kinh điển.

Năm người:

1. Kiền-trần-như.
2. Mười lực Ca-diếp.
3. Át-ty còn gọi là Mã Thắng Tỳ-kheo.
4. Bạt-đề.
5. Ma-ha Nam-câu-lợi (nên xem trong luận Bà-sa).

Vì sao chỉ có năm người? Có nói nói thời Phật Ca-diếp bạn đồng học chín người, bốn người lợi căn đã đắc đạo trước, năm người độn căn đến nay mới ngộ, nguyện gặp Phật Thích-ca ra đời tu hành đắc đạo.

Lại có kinh nói Phật Thích-ca trong thời quá khứ từng làm thân con cá lớn, nguyện cho người ăn thịt ta trước sẽ độ trước. Năm người ăn trước nên phải độ trước.

Lại kinh nói: Sáu người từng cúng dường Phật. Năm người lấy hoa lúa cúng dường. Một người đọi chín. Năm người ngộ trước còn một người ở sau. Tức là Tu-bạt-đà-la. Cũng tức là năm dạ xoa ăn thịt Từ Lực Vương vậy. Trong năm vị thì Trần Như đắc sơ quả, bốn vị kia tại nơi bốn góc lành đến đầu mùa hạ mới đắc đạo. Trong Tây Vực ký ghi: Hạ an cư xong mới đắc đạo. Pháp tướng vắng lặng tức là chân như. Không thể dùng lời tuyên vì tánh ly ngôn. Pháp vốn không có danh tướng lấy danh tướng nói gọi là phương tiện lực. Phật đến Ba-la-nại vì năm người mà nói pháp.

- Kinh: “Là tên xoay bánh xe pháp cho đến.. Pháp tăng tên sai khác”

- Tán: Tam bảo liên hưng khởi.

Nghĩa pháp luân này lược dùng năm môn để phân biệt:

1) Nêu thể.

2) Giải thích danh.

3) Chuyển tướng.

4) Sai khác.

5) Ba thừa.

- *Nêu thể là*: Câu-xá luận quyển hai mươi bốn nói: Nói họ Sa-môn, cũng gọi là Bà-la-môn, cũng gọi là Phạm luân, vì là chân phạm chuyển. Ở trong đó chỉ kiến đạo nên gọi là pháp luân. Do vận hành nhanh giống như luân, hoặc có đầy đủ trục vành. Tức ở trong đây là y vào kiến đạo. Đức Thế Tôn có chỗ nói gọi là pháp luân. Như xe ở thế gian có tướng đi mau, bậc kiến đạo cũng giống như thế nên gọi là pháp luân. Nghĩa là đạo kiến để đi nhanh. Có thủ xả, hàng phục những chưa phục, trấn những đã phục, chuyển cả trên dưới. Đầy đủ năm tướng này, tợ như bánh xe thế gian chuyển.

Thế nên trong Hiển Tông nói: Như Thánh vương luân trước thủ sau xả. Bậc kiến đạo cũng vậy. Xả thì gồm cảnh khổ... thủ thì gồm tập v.v... Đây là ý hiển bày: Thấy lý bốn đế, tất không cùng thời. Như Thánh luân vương hàng phục những chưa phục. Tôn giả Diệu Âm nói: Như xe thế gian có bánh xe vành xe v.v... Bát Thánh đạo tợ như cãm nên gọi là luân. Nghĩa là chánh kiến, chánh tư duy, chánh cần, chánh niệm tợ như cãm bánh xe. Chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng tợ như trục xe. Chánh định như là vành xe, nên gọi là pháp luân. Đâu hẳn biết pháp luân chỉ bậc kiến đạo? Kiền-trần-như v.v... khi kiến đạo sanh gọi là xoay bánh xe pháp. Luận chủ Thiên Thân, y vào Kinh bộ tông để phá Tát-bà-đa: “Hành tướng của tam chuyển chẳng phải chỉ có bậc kiến đạo”. Như vậy tại sao có thể nói chỉ có kiến đạo mới đặt tên là pháp luân? Vì thế, chỉ nên là ba lần chuyển mười hai hành tướng. Có pháp môn gọi là pháp luân, có thể ứng với Chánh lý. Sao gọi là chuyển? Do pháp môn này từ người khác tiếp nối khiến giải nghĩa ra. Hoặc các Thánh đạo đều gọi là pháp luân. Ở trong sanh thân của người được giáo hóa mà chuyển. Tiếp nối từ người khác mà khi kiến đạo sanh đã bắt đầu. Chuyển thì gọi là đã chuyển. Đây có giải thích: Đầu tiên nói kiến đạo gọi là pháp luân, chẳng phải là nghĩa chánh nghĩa Tát-bà-đa. Trong Tạp Tâm cũng trình bày không là nghĩa chánh, nói: Thích-ca Mâu-ni

nói kiến đạo nhanh chóng thì gọi là pháp luân.

Luận Câu-xá nói: Hoặc các Thánh đạo đều là pháp luân.

Đây là bản ý của Tát-bà-đa, cho nên trong Hiền Tông nói bản ý của Tỳ-bà-sa, chung gọi tất cả Thánh đạo đều gọi là pháp luân. Vì nói tam chuyển nhiếp tam đạo. Ở sự tương tục khác khi kiến đạo sanh đã đi đến sơ chuyển, nên gọi là đã chuyển. Chẳng phải chỉ có kiến đạo lấy bát Thánh đạo mà riêng gọi là pháp luân. Ngài Diệu-âm nói chẳng phải là nghĩa chánh. Trong Thành Thật luận chép: Sơ chuyển sanh ra văn tuệ. Độ nhị chuyển sanh ra tư tuệ. Độ tam chuyển sanh ra tu tuệ. Cũng không có mười hai hành tướng, chỉ có một Không hành. Nay theo Đại thừa chung xét trong các văn kinh có năm:

1. Tự tánh của luân là trạch pháp giác chi: Chánh kiến, chánh trí v.v... Du-già quyển chín mươi lăm nói: Cho các pháp chánh kiến cho đến mà thành tự tánh, cho nên gọi là pháp luân. Tam chuyển tự tha thông cả Kiến, Tu, Vô học đạo. Mắt tuệ của các Thánh có thể diệt trừ phiền não nên gọi là luân. Câu-xá cũng nói: Tất cả Thánh đạo gọi là pháp luân. Hoặc thể chỉ lấy Bát thánh đạo đầy đủ cả trực, bánh, vành xe, chánh kiến, chánh tư duy thì gọi là trực xe, là căn bản vậy.

Chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng là vành xe, do trực mà có. Chánh niệm, chánh cần, chánh định gọi là bánh. Nhiếp cả các ghi chép luận khác, không đồng như Tiểu thừa. Bát Thánh đạo này là biệt tướng tu hành. Tuy ở tại tu đạo, mà Thể thật là thông với kiến đạo Vô học khác. Nếu không vậy, Thế Tôn nên không có “Bát thánh đạo”.

2. Nhân của Pháp luân: Là năng sanh các giáo Văn, Tư, Tu của Thánh đạo về sau v.v... Kinh Vô Lượng Nghĩa quyển mười bảy cũng gọi là pháp luân. Trong các kinh luận chép giáo pháp của Phật gọi là pháp luân.

Luận Câu-xá cũng nói: Đây tức là tam chuyển mười hai hành tướng sở hữu pháp môn gọi là pháp luân.

Du-già cũng nói: Ba lần mười hai hành tướng, gọi là đặc phương tiện sở đắc, trước nhân cho sau, hợp làm quả nhân, cho nên gọi là phương tiện.

Lại nói: Ba lần chính là chuyển kiến, tu, Vô học tùy theo thứ lớp. Trí, kiến, hiện quán gọi là phương tiện.

3. Quyển thuộc Luân: Nghĩa là chư Thánh đạo trợ bạn với năm ấm.

Luận Du-già chép: Ái, giới của Thánh và tín v.v... là pháp trợ quán thêm rõ. Trợ đạo trừ hoặc chẳng phải là chánh đoạn.

4. Cảnh Pháp luân: Nghĩa là bốn thánh đế, tam tánh, mười hai nhân duyên.

- Du-già lại nói là đặc sở đắc.

Cảnh sở duyên nghĩa là bốn thánh đế. Kinh này cũng nói Đức Đại Thông Trí Thắng chuyển mười hai nhân duyên.

- Kinh Giải Sâu Mật nói: Y vào liễu tướng nói tam vô tánh đều y vào Biến kế sở chấp gọi là pháp luân.

5. Quả pháp luân: Du-già lại nói là đặc sở đắc đó nghĩa là đại Bồ-đề.

Văn sau lại nói chỗ nhiếp thọ của bốn quả Sa-môn. Thanh văn Bồ-đề, Độc giác Bồ-đề, như Vô thượng Bồ-đề của chư Như lai là quả pháp luân.

Du-già lại nói: Ba lần mười hai hành tướng là phương tiện đắc sở đắc.

Lại nói: Tam chu chánh chuyển là kiến, tu, Vô học tùy theo thứ lớp đó mà nói. Trí, kiến hiện quán gọi là đắc phương tiện. Cho nên Bồ-đề Niết-bàn gọi là quả sở đắc. Nhưng năm thể này chẳng qua bốn thứ: Giáo, lý, hạnh và quả.

- *Giải thích danh:*

1) Gọi là phạm luân: Như lai Ứng Cúng là tiếng Phạm tăng. Từ Phạm chuyển nên cũng gọi là Phạm luân.

2) Gọi là pháp luân: Pháp nghĩa là quỹ tròn, tánh từ các pháp chánh kiến cho đến mà thành. Luân có bốn nghĩa: Một là nghĩa tròn đầy, đầy đủ cả trực, vành, bánh, hoặc thể dụng của trạch pháp giác v.v... đầy đủ gọi là luân. Hai là nghĩa nghiền nát. Bốn chủng pháp này hoặc phục, hoặc đoạn, hoặc trợ, hoặc phiền não chánh chưa đoạn, đều có thể nghiền nát. Ba là trấn át: Đã hàng phục phiền não lại có thể lực đẩy xa chúng. bốn là bất định: Từ tự kiến đến tự tu. Từ tự tu đến tự Vô học. Từ Vô học trí phát ra ngôn giáo. Người khác từ ngôn giáo hiểu nơi đế lý. Người khác từ đế lý khởi lên chánh hạnh. Người khác từ chánh hạnh mà khởi lên quả trí. Lần lượt như thế lại vì người khác nói như Vua chuyển luân sở hữu, luân báu, có thể hàng phục ác phiền não chưa phục. Có thể trấn các phiền não đã hàng phục.

Luận Du-già chép: Nên biết Đức Thế Tôn chuyển pháp mình hiểu thẳng đến A-nhã Kiều-trần-như. Đây lại tùy chuyển đến các thân khác. Chia lại lần lượt tùy chuyển thẳng đến thân khác, vì nghĩa lần lượt này nên gọi là chuyển, pháp tức là luân, tức trì nghiệp giải thích, chuyển là động là hiển, là vận, là khởi: Động giảng nói ngôn giáo, hiển dương giáo

lý. Vận Thánh đạo ở âm thanh trước, khởi chân trí ở ngôn sau, xoay tròn nghiền nát chướng não thì gọi là xoay bánh xe pháp. Sở chuyển tức là pháp luân là chuyển của pháp luân, hai cách giải thích này đều được.

- *Chuyển tướng là*: Chín mươi lăm nói do năm thứ tướng xoay bánh xe pháp: “Nên biết” gọi là thiện xoay bánh xe pháp:

1. Thế Tôn khi làm Bồ-tát, đây được làm cảnh giới sở duyên để chứng đắc.

2. Làm phương tiện chứng đắc.

3. Chứng đắc từ những pháp nên đắc.

4. Đã chứng đắc dưới cội Bồ-đề rồi, người khác lại tiếp nối khiến cho tự chứng phát sanh càng sâu xa, tin hiểu.

5. Đối với người khác chứng, càng sanh tâm tin hiểu sâu.

Ý này chung gọi là tướng giáo hóa của hóa thân lúc tự chứng quả, khiến cho các chúng Thanh văn cũng có sở chứng, không y vào báo thân Bồ-tát mà thành nghĩa. Hoặc cũng y vào nghĩa chuyển của Bồ-tát thật. Tóm lại y vào rốt ráo trước sau mà tạo luận, không y vào một hội đủ thành được tam chuyển. Cảnh sở duyên đó là bốn thánh đế. Nướng vào an lập đế, không phải an lập đế, là nướng vào tam tánh mà điều thuộc về Bốn đế vậy. Đắc phương tiện là với bốn thánh đế này, ba lần chánh chuyển mười hai tướng trí. Trí này từ ba lần chuyển tướng pháp luân, làm nhân đắc vô thượng Bồ-đề. Lần đầu tiên chuyển nghĩa là Bồ-tát xưa kia lúc nhập hiện quán, như thật biết rõ đó, là khổ Thánh đế cho đến rộng nói là đạo Thánh đế, đối với các đế này, có hiện lượng Thánh trí có thể đoạn kiến đạo phiền não sở đoạn. Lúc này gọi là chân Thánh mất tuệ. Tức đây do nướng đời quá khứ, vị lai, hiện tại mà có sai khác. Như thế lần lượt gọi là Trí, minh, giác. Đây nói một trí là chung gọi mất pháp, có ba hành tướng là trí, minh, giác. Chẳng phải ở trong một đế mà biệt khởi ra bốn trí. Do chân kiến đạo chỉ trong một sát-na. Không đồng biệt quán thượng hạ của Tiểu thừa. Dựa vào sự tuyên giải chứng diệt mà nói thông ba đời, chẳng phải nói diệt đế thông các cõi hữu của ba đời.

Lần thứ hai chuyển là bậc Hữu học dùng diệu tuệ ấy mà như thật thông đạt. Về sau còn có việc phải làm. Tức là: Nên biết những pháp khổ đế chưa biết, nên dứt trừ vĩnh viễn các tập đế chưa đoạn, nên chứng diệt đế chưa chứng nên tu tập đạo đế chưa tu. Như thế cũng có bốn thứ hành tướng, như trước đã nói.

Lần thứ ba chuyển: Bậc Vô học đã đắc tận trí vô sanh trí. Nói: “Chỗ nên làm ta đã làm”. Nghĩa là: Ta đã biết khổ đế chưa biết cho

đến rộng nói. Ta đã tu tập đạo để chưa tu... cũng có bốn hành như trước đã nói.

- *Sự sai khác này là:* Bốn thứ hành tướng của hai lần chuyển đầu là chân Thánh mất tuệ của bậc Hữu học. Lần chuyển cuối cùng là chân Thánh mất tuệ của Vô học. Xem văn này ý nói lần thứ nhất là kiến đạo trở về trước tức ngôi vị gia hạnh trí. Tuy biết bốn đế mà chỉ là chuyển nhân cũng không phải chẳng phải chánh chuyển vì chưa diệt hết phiền não. Do đây vị trí chỉ thuộc về năng chuyển tăng lực làm tổn hại phiền não. Nhập vào trong kiến đạo, thật sự đạo Vô gián mới chánh là chuyển, là chánh đoạn hoặc. Đạo giải thoát đó và tướng kiến đạo cũng gọi là sơ chuyển. Tuy không đoạn hoặc, đoạn thô trọng, trấn giữ những phiền não đã hàng phục, mà cũng chẳng phải là biệt trí tướng Bốn đế. Ở tu đạo sau này, đối trước các hoặc chưa đoạn, bèn khởi hành tương ưng biến trí, đó chính là tướng chuyển, chánh khởi chân trí, cho đến Kim cương tâm, đoạn các phiền não, cũng thuộc chuyển này mà khởi lên biệt hành tướng. Chỉ là muốn hướng đến đạo của Thánh đoạn hoặc nên chiết phục chánh đoạn đều gọi là chuyển. Đến như đạo giải thoát, Vô học về sau khởi trí biết. Ta đã làm những việc nên làm sau không còn đoạn nữa, chỉ trấn giữ phiền não đã phục, không hàng phục những phiền não chưa phục. Nhưng trước khi kiến đạo tuy có đạo hàng phục mà không gọi là chuyển vì chẳng phải vô lậu. Trước không có vô lậu cho nên không đồng tu, Bồ-tát như thế tự làm ba chuyển. Sơ chuyển tại kiến đạo gọi là ấn tướng chuyển. Kế đến chuyển tại tu đạo gọi là ứng tu chuyển. Sau đó chuyển tại đạo Vô học gọi là đã tác chuyển. Khi mỗi mỗi chuyển nơi mỗi mỗi đế sanh bốn hành tướng, ba lần chuyển luận theo chiều dọc thành ra mười hai tướng. Bốn đế như thế hợp thành bốn mươi tám, mà chẳng qua mười hai tướng này. Vì luận theo số nên gọi chung là ba lần chuyển mười hai hành tướng.

Luận Câu-xá cũng nói: Nhãn, trí, minh, giác biệt quán đế. Luận dùng pháp nhãn, pháp trí, loại nhãn, loại trí... lần lượt bốn pháp như thế. Nếu theo giải thích này mà đối với tám đế quán ở mỗi mỗi đế bèn không có bốn hành tướng. Hoặc là nhãn, trí mỗi mỗi đều đầy đủ bốn hành tướng. Chiếu cảnh rõ ràng gọi là nhãn. Đối trị vô tri gọi là trí. Đối trị vô minh gọi là minh. Đối trị tà giác gọi là giác, không đồng nơi đây.

- Đắc từ những pháp nên đắc: Nghĩa là đắc Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề, là cùng đắc quả Bồ-đề Niết-bàn. Trước làm nhân cho sau, đạo vô gián trước làm nhân của đạo giải thoát. Đây nói Bồ-tát tự ba lần

chuyển quả pháp luân. Hoặc nói pháp thân Niết-bàn chân lý gọi là Bồ-đề vô thượng. Bồ tát khởi lên trí của Bồ-đề quả vị Vô học, báo thân đã làm mà chứng pháp thân.

Luận Câu-xá nói: “Đều không có Phật xoay bánh xe pháp và người khác tiếp nối, chỉ là khiến cho tự chứng sanh tín giải.” Nghĩa là: Như Trưởng lão A-nhã Kiều-trần-như, nghe chánh pháp từ Đức Như lai rồi, đầu tiên ngộ bốn pháp Thánh đế rồi đáp lời Phật hỏi: Con đã hiểu pháp; từ đây về sau các hành tướng tốt ráo như trước đã nói. Cả năm vị đều đắc quả A-la-hán sanh xứ giải thoát. Đây là nói tự thân Đức Thế Tôn đắc đạo. Lại vì người khác ba lần xoay bánh xe pháp cũng đồng như Câu-xá luận chép ba lần tuần tự chuyển bốn thánh đế. Nghĩa là: “Đây là khổ cho đến đây là đạo”. Đó gọi là sơ chuyển. Nghĩa là: Đây là khổ nên biến tri cho đến đây nên tu tập, là lần hai chuyển. Đây là khổ đã biến tri cho đến đây đã tu tập là lần thứ ba chuyển. Như thế nêu rõ cả ba là kiến đạo, tu đạo, Vô học đạo.

Đây là Phật vì chúng sanh khác mà ba lần xoay bánh xe pháp. Đầu tiên gọi là thị tướng, là mở bày tướng bốn đế. Kế đến là khuyến tu, khuyến tu để hạnh. Sau là tác chứng, là tác chứng minh tri tròn đầy bốn đế.

Do Tôn giả Kiều-trần-như đầu tiên giác ngộ nhập vào kiến đạo rồi, Phật hỏi ông: Ông đã hiểu chưa?

Ông đáp đã hiểu. Sau lần xoay bánh xe pháp thứ hai thứ ba bèn đắc quả A-la-hán, phát sanh trí xứ giải thoát chứng đắc quả vô vi. Đó gọi là chuyển ở tại thân khác, mà đối với sở chứng của Phật càng sanh sâu tín giải.

Khiến cho người khác ở sở chứng của họ khởi sanh lòng tín giải. Như Trưởng lão A-nhã Kiều-trần-như khởi ra tâm thế gian nên nói: Con đã hiểu pháp. Như lai biết ông đã khởi tâm thế gian nên bảo: A-nhã Kiều-trần-như đã chứng pháp của ta.

Địa thần biết nên đã cất tiếng truyền đi. Trong giây lát những lời kia lần lượt chuyển đến Phạm thế.

Tâm thế gian là tâm duyên sự. Chẳng cần phải tán tâm. Trong phần thứ tư, Phật chuyển Thánh đạo ở trong thân năm người kia, đối với sự chứng đắc của Phật càng sanh lòng tín giải. Thứ năm là khiến các địa thần biết A-nhã Kiều-trần-như đã chứng mà càng sanh sâu lòng tin hiểu.

Sai khác là: Tuy chuyển bốn đế, mà pháp tướng không khác. Người Ba thừa, mỗi mỗi đều chứng quả, người tánh Thanh văn đã ở

trong ba đời hoặc sáu mươi kiếp. Trước đã tu tập rồi, nghe Phật nói pháp, y vào uẩn, giới, xứ chứng lý bốn đế, gọi đó là pháp luân Thanh văn. Người tánh Độc giác đã, ở trong bốn đời hoặc trăm kiếp, trước đã tu tập nay nghe Phật nói pháp, y vào mười hai duyên khởi, tu chứng bốn đế gọi là pháp luân Độc giác.

Người tánh Bồ-tát đã ở trong một đại A-tăng-kỳ kiếp, trước tu tập rồi nghe Phật nói pháp. Y vào tam tánh, bình đẳng chứng lý Bốn đế gọi Bồ-tát pháp luân. Nếu không như vậy thì Ba thừa đều quán bốn đế, đồng thời chứng Thánh. Đâu có khác nhau? Đại Bát-nhã nói: Thế Tôn đầu tiên ở nơi nước Ba-la-nại khi xoay bánh xe pháp Bốn đế, có vô lượng chúng sanh phát tâm Thanh văn, tu chứng quả Thanh văn. Có vô lượng chúng sanh phát tâm Độc giác, có vô lượng chúng sanh phát tâm Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, chứng quả sơ địa, nhị địa, tam địa cho đến một đời đắc quả Bồ-đề. Cho nên biết trong vườn Lộc giả Phật chuyển Ba thừa đều chung hành pháp luân. Nếu không như vậy thì tuần lễ thứ hai đã nói Mười Địa. Vì sao không gọi là xoay bánh xe pháp. Kia chẳng phải là đồng sở tu của Ba thừa, nên không cùng gọi là xoay bánh xe pháp. Nhưng thật thì, thân khác ba thời trí đều khởi. Cũng có kinh giải chúng sanh mà chứng quả thì gọi là tam chuyển, như các ông Kiều-trần-như v.v... Một thời Phật ở tại vườn Lộc giả... các vị theo thứ lớp đắc được tam quả này, gọi là Tam chuyển.

Kinh Vô Cấu Xứng nói: Tam xoay bánh xe pháp ở trong đại thiên. Sự luân chuyển đó có thể tịch, bốn tánh tịch. Pháp trí ít có chúng trời, người đã chứng. Tam bảo thời ấy hiện thế gian, tức như kinh này nói bèn có tiếng Niết-bàn, cùng với A-la-hán, tên pháp Tăng sai khác, tức Tam bảo xuất hiện. Phật là Phật bảo, Niết-bàn và ngôn ngữ, quả pháp giáo pháp gọi là pháp bảo. A-nhã... là tên của Tăng bảo. A-la-hán là các ngài Kiều-trần-như.

Lại nói Tăng là bốn vị Hữu học cùng trụ. Trí năng chứng, sở chứng lí tức là hành lý pháp bảo. Bốn pháp đã đầy đủ, cùng Phật và Tăng là năng hóa, sở hóa đã có thể xuất hiện, hợp lại gọi là Tam bảo xuất hiện ở thế gian.

- *Ba thừa là*: Phật, Bồ-tát, đều vì Thanh văn nói pháp, khiến cho người đắc trí đoạn hoặc, thì có thể gọi là xoay bánh xe pháp. Độc giác thì không như vậy, kinh Niết-bàn chép: Duyên giác nói pháp không thể khiến người đắc Noãn pháp... Do vì Thanh văn... không biết thuốc, bịnh, không cùng Thanh văn xoay bánh xe pháp theo lý cũng không sai.

- Kinh: “Xá-lợi-phất nên biết cho đến Phương tiện chỗ nói

pháp...”

- Tán: Có bảy hàng tụng. Nay nói về chân thật, tụng như thế đều vì đặc Nhất thiết chủng trí. Trong đây chia làm bốn:

- Hai hàng tụng đầu nói gốc lành thuần thực đi đến gặp Phật.
- Một hàng tụng nghĩ đến chúng sanh nên độ.
- Ba hàng tụng chánh nói về pháp chân thật.

Một bài kết thành tựu pháp nghi.

“Ta thấy trước tiên là dùng quyền pháp để độ”. Đây ý nói từng ở chỗ Phật đã nghe quyền giáo. Vì gốc lành đã đến nên nay lại gặp Phật, cho nên, vẫn trên nói chúng sanh ở trong hội gặp được Phật. Cũng từng gặp được Phật Thích-ca. Nay gọi chung là Chư Phật.

- Kinh: “Ta liền nghĩ như thế cho đến Nay chánh là phải thời...”

- Tán: Nghĩ chúng sanh nên độ, là vì nói Phật tuệ khiến chúng sanh tu tập. Nay căn đã thuần thực đầu được không giáo hóa.

- Kinh: “Xá-lợi-phất nên biết... Không thể tin là pháp.”

- Tán: Đây là ba hàng tụng chánh nói về pháp chân thật. Đây chia làm hai:

Một hàng đầu tụng độn căn không kham thọ.

Hai hàng tụng sau nói lợi căn có thể thọ.

Có năm lỗi không thể thọ Đại thừa:

1. Độn căn nghe pháp không hiểu. Hoặc như A-điên-đề-ca.
2. Người tiểu trí tuy thông minh, mà tình kiến không rộng, hoặc người hưởng cầu tịch.
3. Chấp tướng nghĩa là khởi chấp hai tướng không, Hữu học làm hành loạn, hoặc hạt giống bất định. Chấp có chẳng phải là không, vì gốc lành chưa thuần thực.
4. Kiêu căn... cậy mình nhiều việc. Các vị phú quý đắm trong buông lung. Hoặc căn chưa thuần thực phàm phu bám tánh buông lung...
5. Kẻ kiêu mạn cậy mình hiếp người như năm ngàn vị hoặc người đầy đủ bảy loại mạn phiền não..., không thể tin Đại thừa, nên không trao cho.

- Kinh: “Nay ta vui không sợ cho đến Tất cũng sẽ làm Phật.”

- Tán: Đây nói việc có thể trao pháp Đại thừa. Hàng đầu tụng bỏ quyền lấy thật. Hàng tụng sau trừ nghi.

Thọ ký đắc vui mừng đó là hỷ vô lượng, không ganh ghét chúng sanh làm việc Phật sự. Vô úy là nghĩa chắc chắn làm tiếng rống sư tử là lý chắc chắn. Ở trong Bồ-tát là trước đối với người hơn. Người Nhị thừa

phát tâm đều là Bồ-tát. Y vào lý chân thật mà nói đạo Nhất thừa thì gọi là ngay thẳng. Không tùy căn cơ quyền giáo nói có ba thừa gọi là xả phương tiện. Chỉ nói đạo vô thượng Nhất thừa. Tức nay nói chẳng thể một đạo mà không có pháp khác. Hàng Địa tiền đốn ngộ Bồ-tát nghi riêng mình đặc Bồ-đề, Thanh văn không có phần; Bồ-tát chứng tánh bất định nghi ở Quả Phật mình cũng không có phần, muốn thoát hưởng quả Tiểu thừa. Nay nghe pháp này các nghi đều trừ. Hiện tiền các vị danh cao có một ngàn hai trăm Tỳ-kheo Thanh văn, nghi không thể làm Phật. Nay Phật vì họ nói thấy đều sẽ làm Phật. Kinh Niết-bàn do đây nói: “Tu-đà-hoàn tám muôn kiếp cho đến Bích-chi mười ngàn kiếp mới đến sơ phát tâm Mười tín. Quả vị này tu hành rất là độn chậm, không bằng những vị mới tu Bồ-tát hạnh. Đây căn cứ vào bất định, chẳng phải như Nhị thừa nhất định sẽ làm Phật. Kinh Niết-bàn quyển ba mươi bốn nói: “Ta ở trong một thời có thể nói một nói, một thừa, một đạo, một hành, một duyên, có thể vì chúng sanh mà tác đại vắng lặng, vĩnh viễn dứt trừ tất cả kiết phược, khổ khổ và khổ nhân, khiến cho tất cả chúng sanh đạt đến nhất hữu. Hàng đệ tử không hiểu ý ta, ở trong đại chúng xướng nói: Như lai nói Tu-đà-hoàn cho đến A-la-hán đều thành Phật đạo.”

- Kinh: “Như Chư Phật ba đời cho đến. Nói pháp không phân biệt”.

- Tán: Kết phần thành tựu pháp nghi. Thể diệu lý của Đại thừa là không phân biệt. Ba thừa cũng thành Phật không khác, cho nên nói như vậy.

- Kinh: “Chư Phật ra đời cho đến. Người này cũng là ít có.”

- Tán: Đoạn thứ sáu có bảy hàng tụng. Nghĩa thứ nhất ở văn xuôi người chưa nghe khiến cho nghe. Chia làm bốn:

- Hai hàng tụng pháp nói bốn việc ít có.
- Hai hàng rưỡi tụng thí dụ rõ hai việc ít có.
- Một hàng rưỡi khuyên tin.
- Một hàng tán kết.

Đây nói phần I: Bốn việc khó là:

1. Phật xuất hiện thật là ít có (hiếm có).
2. Nói pháp này là ít có.
3. Nghe pháp này là ít có.
4. Người năng nghe pháp này là ít có.

Phật xuất hiện ít có như một ngàn vị Phật thời kiếp hiện. Nay kiếp trụ thứ chín đã nói bốn vị Phật ra đời. Đến kiếp thứ mười Phật Di-lặc sẽ ra đời.

Đến kiếp mười lăm có chín trăm chín mươi bốn Phật ra đời. Từ đây đến thời kiếp hoại Phật Cốt-lô-chi độc vương một kiếp. Trải qua mười hai kiếp sau mới có kiếp Tinh Tú. Trong một ngàn vị Phật thì vị Phật đầu tiên là: Phật Tịnh Quang Xưng Vương. Ba trăm kiếp sau không có Phật. Cho nên nói Phật ít có, như thời Phật Ca-diếp trụ mạng bảy ngày không nói pháp này. Và nay Thích-ca thành Phật đã hơn bốn mươi năm mới nói kinh này, nên nói là ít có. Thường ở chỗ tám nạn, không thể cùng Phật tương phùng, nên nói khó nghe pháp ít có. Tuy gặp Phật ra đời mà chỉ nghe Tiểu thừa không nghe Đại thừa nên nói nghe được là ít có.

- Kinh: “Thí như hoa Ưu-đàm cho đến. Hơn cả hoa Ưu-đàm.

- Tán: Thí dụ rõ hai pháp ít có.

Một hàng tụng pháp xuất ít có.

Một hàng rưới tụng nghe khen ngợi là ít có.

Nghe pháp và khen ngợi hơn hoa Ưu-đàm. Hành chân pháp hạnh là cúng dường Chư Phật ba đời. Tự nghe và bảo người khác nghe hợp lại gọi là nghe pháp.

Vui mừng nghe gọi là vui mừng. Khen ngợi gọi là tán (chúc mừng khen ngợi). Hành trì bốn thứ này đều gọi là chơn hành.

- Kinh: “Các ông chớ có nghi... không đê tử Thanh văn.”

- Tán: Khuyến tin chớ nghi ngờ.

- Kinh: “Các ông Xá-lợi-phất... Bí yếu của Chư Phật.”

- Tán: Kết luận khen ngợi sự sâu mâu.

- Kinh: “Vì ác thế năm vẫn đục cho đến Trộn không cầu Phật đạo...”

- Tán: Đoạn lớn thứ hai này có ba hàng tụng, tụng phá bốn nghi chia ra làm ba.

- Một hàng đầu: Phật thời nào xuất hiện hóa độ chúng Ba thừa? Phật xuất hiện ở cõi đời năm vẫn đục. Một hàng tụng: Vì sao biết tăng thượng mạn? “Như đê tử ta tự nói A-la-hán không tin pháp này, không có việc như thế”. Một hàng tụng vì sao có khả năng nói? Trừ sau khi Phật diệt độ hiện tiền không có Phật.

- Kinh: “Người ác đời vị lai... Phá pháp đọa đường ác”.

- Tán: Một hàng tụng giải thích vì sao biết tăng thượng mạn. Người Ác đời sau không tin pháp này phần nhiều là tăng thượng mạn. Không chỉ tăng thượng mạn mà các ác nhân khác cũng không thể tin. Phật đối với người ngã mạn ở trên đã nói về tướng, sau khi Phật diệt độ rồi khó mà biết được, cho nên nêu riêng ở đây.

- Kinh: “Người tầm quý thanh tịnh cho đến Rộng khen đạo Nhất thừa.”

- Tán: Tụng giải thích vì sao có khả năng nói là. Có đủ bốn đức:

1. Tôn trọng bậc hiền thiện xét lại tự thân, hổ thẹn tội lỗi.
2. Khinh thường việc bạo ác. Lại nhìn lại thế gian xấu hổ tội lỗi.
3. Thanh tịnh trong ngoài không thiếu. Xa lìa danh lợi trần thế.

4. Chí cầu Phật đạo, không mong cầu pháp Nhị thừa Thanh văn. Có thể tin kinh này không còn ngu pháp, bèn có thể nói pháp cho người nghe. Nếu người ngu gặp Phật khác ra đời, nhất định sẽ đắc pháp Nhất thừa.

- Kinh: “Xá-lợi-phất nên biết... Tự biết sẽ thành Phật”.

- Tán: Ba hàng tụng này là đoạn tụng hạng người thứ tư, khuyến phát tâm Bồ-đề ưa thích thành Phật.

Một hàng rưỡi tụng về Phật pháp đều không học, không hiểu một hàng rưỡi sau là tụng về khuyên biết sanh vui mừng cầu thành Phật. Như vậy có thể hiểu.

